

Số: /BC - HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO THẨM TRA

Dự thảo nghị quyết về việc quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ - CP trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Pháp chế thẩm tra dự thảo Nghị quyết quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ - CP trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021, như sau:

1. Sự phù hợp của dự thảo nghị quyết đối với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã giao biên chế công chức và thẩm định số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ - CP (sau đây gọi tắt là HD 68) trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập cho tỉnh Bắc Kạn năm 2021. Do đó, HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là phù hợp với Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

2. Nội dung

Năm 2020, tổng biên chế của tỉnh được giao gồm: 1.512 biên chế công chức; 9.574 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, 54 người làm việc trong các tổ chức Hội và 405 chỉ tiêu HD 68 (gồm 184 chỉ tiêu cho cơ quan hành chính nhà nước và 221 chỉ tiêu cho các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập). Tuy nhiên, việc tuyển dụng biên chế trong thời gian qua chưa kịp thời gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Năm 2021, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ giao 1.489 biên chế công chức (giảm 23 biên chế so với năm 2020), thẩm định 9.336 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (giảm 292 biên chế so với năm 2020), 67 người làm việc trong các tổ chức hội và 213 chỉ tiêu HD 68 trong các đơn vị sự nghiệp công lập (giảm 08 chỉ tiêu so với năm 2020, giữ nguyên chỉ tiêu HD 68 trong cơ quan hành chính nhà nước là 184 chỉ tiêu). Căn cứ vào thực tế thực hiện nhiệm vụ và đảm bảo cân đối về biên chế, UBND tỉnh đề xuất phương án cắt giảm, điều chỉnh, bổ sung biên chế công chức, số lượng người làm việc, HD 68 tại các cơ quan, đơn vị chủ yếu là cắt giảm số biên chế được giao chưa có mặt. Ban Pháp chế cơ bản nhất trí với đề xuất của UBND tỉnh.

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh:

- Từ năm 2021 trở đi, thực hiện tuyển đủ số biên chế được giao và tinh giản biên chế theo đúng quy định.

- Làm rõ sau khi cắt giảm biên chế sự nghiệp giáo dục - đào tạo và y tế như phương án của UBND tỉnh trình, với biên chế giao năm 2021 có đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục và y tế không?

- Đối với biên chế của tổ chức Hội: Từ năm 2018 đến năm 2020, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt biên chế của các tổ chức Hội nằm trong tổng biên chế của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tại kỳ họp này, UBND tỉnh đề xuất tách 67 biên chế của các tổ chức Hội (năm 2021) không nằm trong tổng số biên chế của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.

Ban nhận thấy: Năm 2020, các tổ chức Hội được giao 54 biên chế nhưng việc giao biên chế và sử dụng biên chế nêu trên tại một số Hội chưa thật sự phù hợp. Do đó, Ban đề nghị UBND tỉnh:

+ Khẳng định 67 biên chế của tổ chức Hội không nằm trong tổng số 9.336 biên chế tại các đơn vị sự nghiệp đã được Bộ Nội vụ thẩm định năm 2021.

+ Làm rõ việc sử dụng biên chế của các tổ chức Hội năm 2021.

3. Về dự thảo nghị quyết

(Có dự thảo nghị quyết kèm theo)

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh đối với dự thảo nghị quyết quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ - CP trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

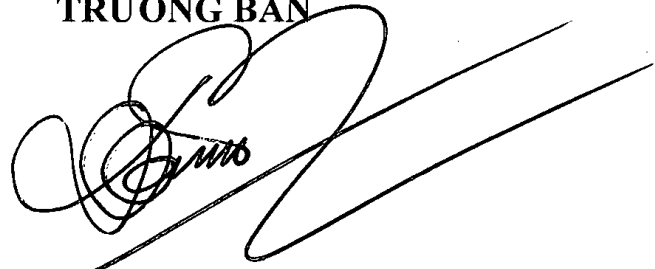
Gửi bản giấy và bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp HĐND tỉnh;

Gửi bản điện tử:

- Sở Nội vụ;
- LĐVP (đ/c Dũng);
- Phòng CT. HĐND;
- Lưu: VT, HS.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Ngọc Sơn

Số: /NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày

tháng 12 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021, cụ thể:

1. Tổng biên chế công chức: 1.489 biên chế.
2. Tổng số người làm việc trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập: 9.336 người, trong đó:
 - a) Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 6.904 người.
 - b) Sự nghiệp y tế: 1.637 người.
 - c) Sự nghiệp văn hóa, thể thao và thông tin: 278 người.
 - d) Sự nghiệp khoa học: 15 người.
 - đ) Sự nghiệp khác: 502 người.
3. Tổng số người làm việc trong các tổ chức hội: 67 người.
4. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 397 chỉ tiêu, trong đó:
 - a) Cơ quan hành chính nhà nước: 184 chỉ tiêu;
 - b) Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập: 213 chỉ tiêu.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá IX, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	Đơn vị	Biên chế giao
	TỔNG CỘNG	1.489
A	KHỐI SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG	893
1	Sở Nội vụ	47
2	Sở Tư pháp	26
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32
4	Sở Tài chính	41
5	Sở Công Thương	28
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	258
7	Sở Giao thông vận tải	46
8	Sở Xây dựng	35
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	38
10	Sở Thông tin và Truyền thông	24
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	33
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36
13	Sở Khoa học và Công nghệ	27
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	40
15	Sở Y tế	51
16	Thanh tra tỉnh	26
17	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh	31
18	Văn phòng UBND tỉnh	42
19	Ban Dân tộc tỉnh	14
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	12
21	Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh	6
B	KHỐI UBND CÁC HUYỆN, TP	596
1	UBND TP Bắc Kạn	79
2	UBND huyện Ba Bể	75
3	UBND huyện Ngân Sơn	72
4	UBND huyện Chợ Đồn	76
5	UBND huyện Na Rì	75
6	UBND huyện Bạch Thông	73
7	UBND huyện Chợ Mới	73
8	UBND huyện Pác Nặm	73

PHỤ LỤC 2

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP) NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	Đơn vị	Biên chế giao					
		Tổng	Trong đó				
			Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&TT	Sự nghiệp Khoa học	Sự nghiệp khác
1	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	9.336	6.904	1.637	278	15	502
A	KHỐI SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG	2.816	717	1.636	111	15	337
1	Sở Nội vụ	13					13
2	Sở Tư pháp	37					37
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10					10
4	Sở Công Thương	14					14
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	87					87
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	60					60
7	Sở Thông tin và Truyền thông	18					18
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	3	17			30
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	116			111		5
10	Sở Khoa học và Công nghệ	15				15	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	714	714				
12	Sở Y tế	1.656		1.619			37
13	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND tỉnh	0					
14	Văn phòng UBND tỉnh	16					16
15	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	10					10
16	Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh	0					
B	CÁC ĐƠN VỊ SNCL THUỘC UBND TỈNH	218	93	1	58	0	66
1	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	66					66
2	Cao đẳng Bắc Kạn	94	93	1			
3	Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn	58			58		
C	KHỐI UBND CÁC HUYỆN, TP	6.302	6.094	0	109	0	99
1	UBND TP Bắc Kạn	629	596		14		19
2	UBND huyện Ba Bể	979	954		14		11
3	UBND huyện Ngân Sơn	654	631		13		10
4	UBND huyện Chợ Đồn	989	961		14		14
5	UBND huyện Na Rì	938	912		13		13
6	UBND huyện Bạch Thông	615	590		14		11
7	UBND huyện Chợ Mới	727	703		14		10
8	UBND huyện Pác Nặm	771	747		13		11

PHỤ LỤC 3

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC TỔ CHỨC HỘI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	Đơn vị	Biên chế giao	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	67	
1	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	9	Hội cấp tỉnh
2	Hội Đông y tỉnh	7	
3	Hội Chũ thập đồ tỉnh	9	
4	Liên minh hợp tác xã tỉnh	15	
5	Hội Nhà báo tỉnh	4	
6	Hội Nạn nhân chất độc da cam/ DIOXIN tỉnh	2	
7	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh	2	
8	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh	2	
9	Hội Khuyến học tỉnh	2	
10	Hội Luật gia tỉnh	2	
11	Hội Người cao tuổi tỉnh	2	
12	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh	3	
13	UBND TP Bắc Kạn	1	
14	UBND huyện Ba Bể	1	
15	UBND huyện Ngân Sơn	1	
16	UBND huyện Chợ Đồn	1	
17	UBND huyện Na Rì	1	
18	UBND huyện Bạch Thông	1	
19	UBND huyện Chợ Mới	1	
20	UBND huyện Pác Nặm	1	

CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày ... tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU GIAO NĂM 2021		
		Tổng	Trong đó	
			Khối hành chính	Khối sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	TỔNG CỘNG	397	184	213
A	KHỐI SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG	259	128	131
1	Sở Nội vụ	6	5	1
2	Sở Tư pháp	5	5	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	4	
4	Sở Tài chính	5	5	
5	Sở Công Thương	4	4	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31	26	5
7	Sở Giao thông vận tải	7	7	
8	Sở Xây dựng	5	5	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	4	1
10	Sở Thông tin và Truyền thông	5	4	1
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	38	5	33
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	23	5	18
13	Sở Khoa học và Công nghệ	6	5	1
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	39	5	34
15	Sở Y tế	42	10	32
16	Thanh tra tỉnh	3	3	
17	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND&UBND tỉnh			
	<i>Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh</i>	6	6	
	<i>Văn phòng UBND tỉnh</i>	18	15	3
18	Ban Dân tộc tỉnh	2	2	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	5	3	2
B	CÁC ĐƠN VỊ SNCL THUỘC UBND TỈNH	15		15
1	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	4		4
2	Cao đẳng Bắc Kạn	7		7
3	Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn	4		4
C	KHỐI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	122	56	66
1	UBND TP Bắc Kạn	7	7	
2	UBND huyện Ba Bể	16	7	9
3	UBND huyện Ngân Sơn	19	6	13
4	UBND huyện Chợ Đồn	19	6	13
5	UBND huyện Na Rì	20	7	13
6	UBND huyện Bạch Thông	9	8	1
7	UBND huyện Chợ Mới	14	7	7
8	UBND huyện Pác Nặm	18	8	10
D	TỔ CHỨC HỘI ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	1		1
1	Liên minh các hợp tác xã tỉnh	1		1